

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 10 – 01 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.
2. Ông Đỗ Huy Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu P, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 30-8-2023, có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Diệp Thị T1; địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lý Văn S; địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 16-9-2017, vợ chồng bà Diệp Thị T1 có đến mua thức ăn nuôi heo của ông Nguyễn Vũ T. Ông T đồng ý bán và vợ chồng bà T1 hẹn 05 tháng trả đủ (vì 01 đợt nuôi heo khoảng 05 tháng là bán). Bà T1 mua thức ăn nhiều đợt nhưng hai bên không có làm giấy tờ mua bán mà chỉ ghi sổ theo dõi. Tuy nhiên, sau khi mua

thức ăn của ông T thì bà T1, ông S không thực hiện đúng thỏa thuận, bán heo nhiều lần nhưng không trả tiền cho ông T. Tính đến nay vợ chồng bà T1 còn nợ ông T số tiền là 44.798.000 đồng và bà T1 không còn mua thức ăn của ông T nữa.

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Vũ T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng bà Diệp Thị T1, ông Lý Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Vũ T số tiền 44.798.000 đồng.

Ý kiến của bị đơn bà Diệp Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Diệp Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S. Tuy nhiên, bà T1 và ông S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền mua thức ăn chăn nuôi mà bà Diệp Thị T1 và ông Lý Văn S còn nợ ông Nguyễn Vũ T là 27.326.000 đồng.

- Bị đơn bà Diệp Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định lại quan hệ pháp luật cần giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Diệp Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền bà T1, ông S còn nợ nguyên đơn là 27.326.000 đồng. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu, chứng cứ là sổ theo dõi việc

mua bán thức ăn, người mua là “Dì Thúy chợ khu”, thể hiện lịch sử mua bán giữa hai bên từ ngày 16-9-2017 đến ngày 13-3-2018, số tiền nợ cộng dồn đến ngày 13-3-2018 thì bên mua còn nợ lại 51.126.000 đồng, người mua ký tên “Thúy” để xác nhận. Đến ngày 19-3-2018, bên mua gửi trả 20.000.000 đồng, còn lại 31.126.000 đồng và sau đó gửi trả tiếp 3.800.000 đồng, còn lại 27.326.000 đồng.

[6] Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án tổng đạt, thông báo họp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không đưa ra phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi. Việc mua hàng, giao hàng và thanh toán tiến hành qua nhiều đợt. Đến ngày 19-3-2018, số nợ được cân trừ và cộng dồn theo sổ theo dõi lịch sử mua bán còn lại của bên mua là 27.326.000 đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lý Văn S có trách nhiệm liên đới cùng bà Diệp Thị T1 trả số tiền nợ: Đây là khoản nợ mua bán thức ăn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Bà Diệp Thị T1 và ông Lý Văn S không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh khoản nợ này là nợ riêng của bà T1. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà Diệp Thị T1 và ông Lý Văn S liên đới trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, 436, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ T.

Buộc bị đơn bà Diệp Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Vũ T số tiền 27.326.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Vũ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.119.500 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011908 ngày 30-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Diệp Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.366.300 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm